



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẢNG CÁI LÂN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

CÔNG TY KIỂM TOÁN TƯ VẤN THỦ ĐỘ
CAPITAL AUDITING CONSULTANCY CO., LTD

MỤC LỤC

TRANG

1.	BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1- 3
2.	BÁO CÁO KIỂM TOÁN	4- 5
3.	BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6- 7
4.	BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
5.	BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
6.	THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10- 23

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Cho năm tài chính từ ngày 01/01/2010 đến hết ngày 31/12/2010

Ban giám đốc Công ty trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã kiểm toán cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 31 tháng 12 năm 2010.

1. Tổ chức, ngành nghề đăng ký kinh doanh, vốn:

Công ty Cổ phần Đầu tư Cảng Cái Lân có quá trình hình thành và phát triển như sau:

Công ty Cổ phần Đầu tư Cảng Cái Lân là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 2203001113 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 02 tháng 11 năm 2007;

Một số thông tin tổng hợp theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

Tên doanh nghiệp	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẢNG CÁI LÂN
Trụ sở chính	Số 1 Đường Cái Lân, Phường Bãi Cháy, TP Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh
Vốn kinh doanh	300.000.000.000 VNĐ

Ngành nghề kinh doanh :

- Kinh doanh khai thác cảng;
- Kinh doanh dịch vụ xếp dỡ, bảo quản, đóng gói và giao nhận hàng hoá;
- Kinh doanh dịch vụ lưu kho, bãi;
- Vận tải, dịch vụ đại lý vận tải hàng hoá đường bộ, đường thuỷ, đại lý tàu biển;
- Dịch vụ khai thuê hải quan, môi giới hàng hải, cung ứng tàu biển, vệ sinh tàu biển;
- Đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng cảng biển;
- Xuất nhập khẩu hàng hoá./

2. Hợp đồng liên doanh

Ngày 06/11/2007, công ty ký kết HĐLD với đối tác SSA Holdings International - Vietnam, Inc. (SSAHVN) thành lập cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát - Công ty TNHH Cảng Container Quốc tế Cái Lân (CICT).

Căn cứ theo giấy chứng nhận đầu tư lần đầu số 221022000116 do UBND tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 03/06/2008 cho CICT và giấy chứng nhận đầu tư thay đổi lần thứ nhất số 221022000116 cấp ngày 15/06/2010:

- Tên dự án đầu tư: Xây dựng và vận hành khai thác cầu tàu số 2, 3, 4 cảng Cái Lân;
- Địa điểm thực hiện dự án: Bến số 2, 3, 4 hiện hữu tại cảng Cái Lân
- Mục tiêu và quy mô dự án:
 - ✓ Thiết kế, cung cấp tài chính, xây dựng, trang bị, vận hành và khai thác toàn bộ các cầu tàu số 2, 3, 4 để nhận các tàu công-ten-nơ đến 40.000 DWT;
 - ✓ Cung cấp các dịch vụ cảng để nâng cao hiệu quả vận hành các tàu hiện có tại cảng Cái Lân theo thoả thuận hợp tác với cảng Quảng Ninh;
 - ✓ Thiết lập các phương tiện và hệ thống lo-gis-tic để hỗ trợ việc vận hành cảng.
- Tiến độ dự kiến thực hiện dự án:
 - ✓ Giai đoạn 1, từ 2008 đến 2012: xây dựng 594 mét dài cầu cảng bến 2, 3, 4, nạo vét 254.530 m³ khu nước trước bến, xây dựng các công trình phụ trợ và mua sắm trang thiết bị;
 - ✓ Giai đoạn 2, từ 2012 đến 2013: hoàn thiện các hạng mục công trình, đưa vào khai thác, vận hành.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẢNG CÁI LÂN

Địa chỉ : Số 1 - Đường Cái Lân - Bãi Cháy - TP. Hạ Long - Tỉnh Quảng Ninh

- Thời hạn hiệu lực liên doanh: 50 năm
- Vốn góp liên doanh: 925.085.320.000 VNĐ (tương đương 30.900.000 USD), trong đó:
 - ✓ Công ty Cổ phần đầu tư Cảng Cái Lân góp 471.793.513.200 VNĐ (tương đương 27.721.050 USD), chiếm 51% vốn liên doanh, bằng giá trị quyền sử dụng đất và tiền mặt;
 - ✓ SSA Holdings International - Vietnam, Inc góp 453.291.806.800 VNĐ (tương đương 26.633.950 USD), chiếm 49% vốn liên doanh, bằng tiền mặt.

3. Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị của công ty trong năm tài chính từ ngày 01/01/2010 đến hết ngày 31/12/2010 gồm:

Ông Lê Triều Thanh	Chủ tịch
Ông Vũ Khắc Từ	Phó chủ tịch
Ông Trần Mạnh Hà	Ủy viên
Ông Đặng Mạnh Hà	Ủy viên
Ông Vũ Văn Tiên	Ủy viên

4. Ban giám đốc

Ban giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính từ ngày 01/01/2010 đến hết ngày 31/12/2010 gồm:

Ông Nguyễn Hồng Dương	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Văn Toàn	Phó tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Tư Thịnh	Kế toán trưởng

5. Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính của Công ty kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 được đính kèm báo cáo này.

6. Kiểm toán viên

Báo cáo tài chính năm của Công ty kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán tư vấn Thủ Đô - CACC.

Công ty TNHH Kiểm toán tư vấn Thủ Đô - CACC là Công ty kiểm toán đủ điều kiện kiểm toán năm 2011 theo Công văn 1158/VACPA ngày 29/12/2010 của Hội Kiểm toán viên hành nghề Việt Nam.

Trụ sở: Lô 16, D6 khu Quận uỷ Thanh Xuân, Phường Thanh Xuân Bắc, Quận Thanh Xuân, Hà Nội.

Điện thoại: (84) 04 62 852 318 Fax: (84) 04 62 852 317

7. Kết quả hoạt động kinh doanh

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là lãi: 6.559.603.739 VNĐ cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2010. Kết quả kinh doanh nêu trên sẽ được Công ty Cổ phần Đầu tư Cảng Cái Lân phân phối theo Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty và các văn bản pháp luật sửa đổi bổ xung theo chế độ hiện hành.

Kết quả kinh doanh trên của Công ty Cổ phần Đầu tư Cảng Cái Lân đã tạm trích nộp một phần các nghĩa vụ về thuế với Ngân sách nhà nước.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẢNG CÁI LÂN

Địa chỉ : Số 1 - Đường Cái Lân - Bãi Cháy - TP. Hạ Long - Tỉnh Quảng Ninh

8. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ

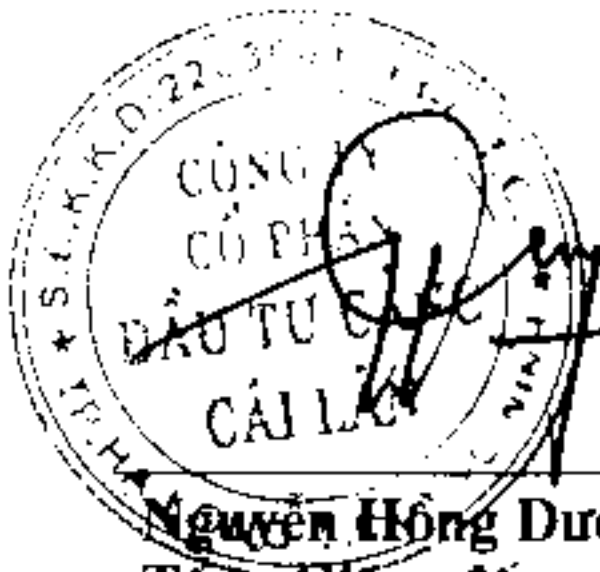
Theo đánh giá của Ban Giám đốc, ngoài các sự kiện nêu trên, tính đến thời điểm lập Báo cáo này, không có bất kỳ sự kiện bất thường hoặc sự kiện sau ngày khoá sổ nào xảy ra, có khả năng ảnh hưởng trọng yếu, đòi hỏi cần phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính năm 2010.

9. Xác nhận của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Cảng Cái Lân chịu trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 31 tháng 12 năm 2010. Các Báo cáo này đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010 và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẢNG CÁI LÂN



Nguyễn Hồng Dương
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 03 năm 2011

A handwritten signature in black ink, appearing to be "Nguyễn Tư Thịnh".

Nguyễn Tư Thịnh
Kế toán trưởng



BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẢNG CÁI LÂN**

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán tư vấn Thủ Đô (CACC) đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần đầu tư Cảng Cái Lân cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010, đã được trình bày từ trang 06 đến trang 23;

Các Báo cáo tài chính này được lập theo các quy định của Chế độ kế toán Việt Nam nêu tại Ghi chú số 03 trong phần Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Việc lập và trình bày các Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Cảng Cái Lân; Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Quá trình kiểm toán của chúng tôi đã được tiến hành phù hợp với các Chuẩn mực kiểm toán của Việt Nam, Quy chế kiểm toán độc lập hiện hành ở Việt Nam và các quy định hiện hành khác có liên quan.

Chúng tôi đã lập kế hoạch và tiến hành kiểm toán nhằm thu thập các thông tin và sự giải trình mà chúng tôi thấy cần thiết qua đó cung cấp các bằng chứng xác thực cho chúng tôi để có được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính có tránh khỏi các sai sót trọng yếu hay không. Chúng tôi cũng đánh giá những kế hoạch và quyết định quan trọng của Ban Giám đốc trong quá trình lập Báo cáo tài chính này, xem xét các chính sách kế toán có được áp dụng nhất quán, trình bày đầy đủ và phù hợp với điều kiện của Công ty hay chưa.

Công việc kiểm toán bao gồm: kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu chứng từ kế toán, sổ sách kế toán, các ghi chép kế toán và phương pháp kế toán mà Công ty đã áp dụng để lập Báo cáo tài chính và những bằng chứng có liên quan đến số liệu và thông tin được trình bày trên Báo cáo tài chính.

Để đưa ra ý kiến chúng tôi cũng đánh giá tổng quát về các thông tin được trình bày trong Báo cáo tài chính và thực hiện các thủ tục kiểm toán khác mà chúng tôi xét thấy cần thiết trong từng trường hợp.

Chúng tôi tin rằng quá trình kiểm toán đã cung cấp cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý Kiến kiểm toán

Theo ý kiến chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu thì Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Cảng Cái Lân cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010 đã:

- (a) Phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2010 và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cho kỳ hoạt động kết thúc cùng ngày; và
- (b) Phù hợp với Chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN TƯ VẤN THỦ ĐÔ (CACC)



NGUYỄN THỊ KIM PHỤNG

Phó Tổng Giám đốc

Kiểm toán viên Việt Nam

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0511/KTV

Ngày 30 tháng 03 năm 2011



NGUYỄN THÀNH TRUNG

Người chịu trách nhiệm kiểm toán

Kiểm toán viên Việt Nam

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1636/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẢNG CÁI LÂN

Bảng cân đối kế toán

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
NĂM 2010**

Đơn vị tiền tệ: VNĐ

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		99.701.886.290	122.628.018.225
Tiền & các khoản tương đương tiền	110		95.719.939.674	116.822.472.202
Tiền	111	VI.01	36.019.939.674	1.322.472.202
Các khoản tương đương tiền	112		59.700.000.000	115.500.000.000
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
Các khoản phải thu	130	VI.02	3.351.203.763	5.749.798.581
Phải thu của khách hàng	131		1.802.933.487	3.461.292.850
Trả trước cho người bán	132		397.630.000	17.536.162
Các khoản phải thu khác	135		1.150.640.276	2.270.969.569
Tài sản ngắn hạn khác	150	VI.04	630.742.853	55.747.442
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	30.000.000
Thuế GTGT được khấu trừ	152		596.742.853	5.747.442
Tài sản ngắn hạn khác	158		34.000.000	20.000.000
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		317.532.347.496	158.096.773.402
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Tài sản cố định	220		528.324.926	507.562.271
TSCĐ hữu hình	221	VI.06	407.494.984	480.393.239
Nguyên giá	222		688.761.394	651.125.031
Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(281.266.410)	(170.731.792)
TSCĐ vô hình	227	VI.08	19.489.032	27.169.032
Nguyên giá	228		38.400.000	38.400.000
Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(18.910.968)	(11.230.968)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	VI.09	101.340.910	-
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		309.542.854.000	157.500.000.000
Đầu tư vào công ty con	251	VI.11	296.254.434.000	157.500.000.000
Đầu tư dài hạn khác	258	V.13	13.288.420.000	-
Tài sản dài hạn khác	260		7.461.168.570	89.211.131
Chi phí trả trước dài hạn	261	VI.12	911.168.570	89.211.131
Tài sản dài hạn khác	268	V.07	6.550.000.000	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		417.234.233.786	280.724.791.627

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẢNG CÁI LÂN

Bảng cân đối kế toán

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
NỢ PHẢI TRẢ	300		87.933.180.299	90.432.402.640
Nợ ngắn hạn	310		50.352.845.034	52.056.690.657
Phải trả cho người bán	312	VI.15	1.962.992.285	2.134.491.215
Người mua trả tiền trước	313	VI.15	316.614.982	-
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	VI.16	1.550.284.668	1.946.274.639
Phải trả công nhân viên	315		676.283.808	416.589.932
Chi phí phải trả	316	VI.17	45.751.263.287	46.179.549.971
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn	319	VI.18	785.004	1.292.284.900
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323		94.621.000	87.500.000
Nợ dài hạn	330		37.580.335.265	38.375.711.983
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	VI.13	7.277.968.793	7.431.458.469
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		2.251.498	5.120.298
Doanh thu chưa thực hiện	338		30.300.114.974	30.939.133.216
NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		329.301.053.487	190.292.388.987
Vốn chủ sở hữu	410	VI.22	329.301.053.487	190.292.388.987
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		300.000.000.000	166.964.290.000
Vốn khác của chủ sở hữu	413		11.500.000.000	11.500.000.000
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(411.649.239)	-
Quỹ đầu tư phát triển	417		756.930.096	756.930.096
Quỹ dự phòng tài chính	418		1.661.486.000	1.557.937.000
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		700.000.000	500.000.000
Lợi nhuận chưa phân phối	420	VI.23	15.094.286.630	9.013.231.891
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		417.234.233.786	280.724.791.627

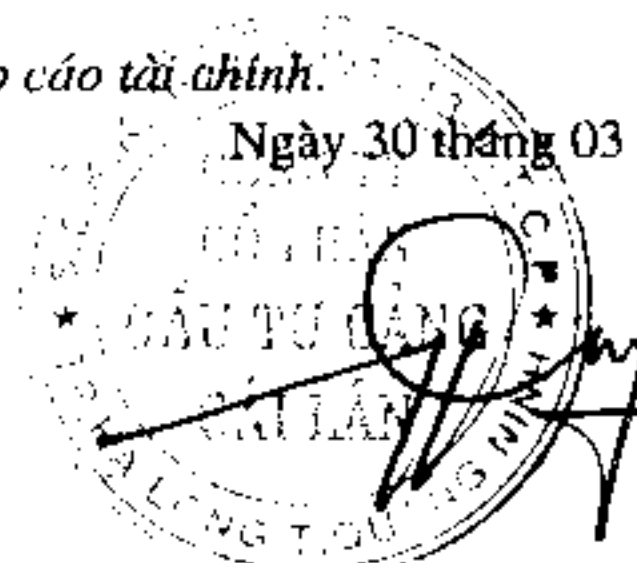
CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CĐKT	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Ngoại tệ các loại (USD)			964.627.28	100.12

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính.

Ngày 30 tháng 03 năm 2011



Nguyễn Tư Thịnh
Kế toán trưởng



Nguyễn Hồng Dương
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẢNG CÁI LÂN

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

NĂM 2010

Đơn vị tiền tệ: VND

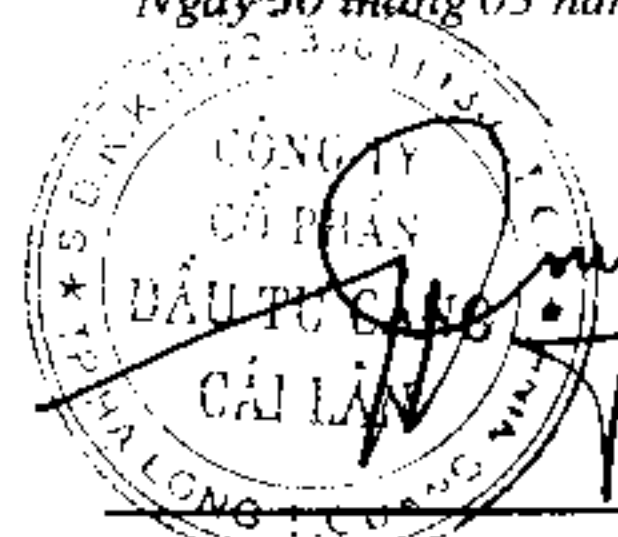
CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
1. Tổng doanh thu	01	VI.27	77.262.334.004	16.215.743.796
2. Các khoản giảm trừ	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	VI.27	77.262.334.004	16.215.743.796
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.28	73.867.566.319	14.568.732.042
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		3.394.767.685	1.647.011.754
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.27	11.602.544.826	10.219.347.909
7. Chi phí tài chính	22	VI.29	284.282.298	-
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		256.529.013	-
8. Chi phí bán hàng	24		2.593.320.297	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		3.465.877.223	2.584.295.988
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)]	30		8.653.832.693	9.282.063.675
11. Thu nhập khác	31		1.363.762.147	672.318.333
12. Chi phí khác	32		842.376.921	10.077.142
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		521.385.226	662.241.191
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50	VI.31	9.175.217.919	9.944.304.866
15. Chi phí Thuế TNDN hiện hành	51		2.769.103.856	1.924.756.428
16. Chi phí Thuế TNDN hoãn lại	52		(153.489.676)	(153.489.676)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51-52)	60		6.559.603.739	8.173.038.114
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		-	-

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính.

Ngày 30 tháng 03 năm 2011



Nguyễn Tư Thịnh
Kế toán trưởng



Nguyễn Hồng Dương
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2010

Đơn vị tiền tệ: VND

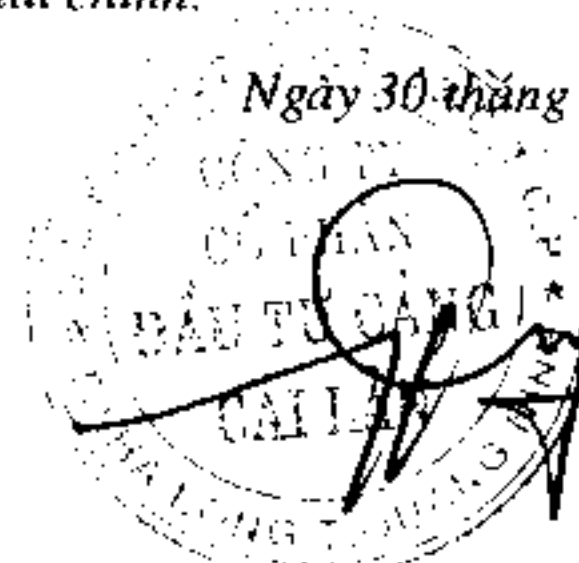
CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
I - Lưu chuyển tiền từ hoạt động SX, kinh doanh			
1 Tiền thu từ bán hàng, cung cấp DV và DT khác	01	19.119.627.612	13.972.337.484
2 Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và DV	02	(23.142.284.864)	(14.822.540.604)
3 Tiền chi trả cho người lao động	03	(1.300.142.303)	(1.262.059.694)
4 Tiền chi trả lãi vay	04	(256.529.013)	-
5 Tiền chi nộp thuế TNDN	05	(3.355.177.543)	(1.325.594.355)
6 Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	5.188.928.733	3.459.926.205
7 Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(8.897.342.038)	(1.844.271.833)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động Kinh doanh	20	(12.642.919.416)	(1.822.202.797)
II - Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1 Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(104.236.360)	(181.655.005)
2 Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	722.600.448	1.400.000
3 Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(13.288.420.000)	-
5 Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(138.754.434.000)	(11.500.000.000)
7 Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	10.340.816.039	9.245.861.797
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(141.083.673.873)	(2.434.393.208)
III - Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1 Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	133.035.710.000	29.918.665.000
3 Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	29.280.420.000	-
4 Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(29.280.420.000)	-
6 Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(16.683.879.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	133.035.710.000	13.234.786.000
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(20.690.883.289)	8.978.189.995
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	116.822.472.202	107.844.282.207
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(411.649.239)	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	95.719.939.674	116.822.472.202

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính.

Ngày 30 tháng 03 năm 2011



Nguyễn Tư Thịnh
Kế Toán Trưởng



Nguyễn Hồng Dương
Tổng Giám đốc

(Các ghi chú này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn: Công ty Cổ phần

Công ty Cổ phần Đầu tư Cảng Cái Lân là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 2203001113 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 02 tháng 11 năm 2007;

Một số thông tin tổng hợp theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

Tên doanh nghiệp : **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẢNG CÁI LÂN**
Trụ sở chính: Số 1 - Đường Cái Lân - P. Bãi Cháy - Hạ Long - Quảng Ninh
Vốn kinh doanh: 300.000.000.000 VNĐ

2. Ngành nghề kinh doanh của Công ty:

- Kinh doanh khai thác cảng;
- Kinh doanh dịch vụ xếp dỡ, bảo quản, đóng gói và giao nhận hàng hoá
- Kinh doanh dịch vụ lưu kho, bãi;
- Vận tải, dịch vụ đại lý vận tải hàng hoá đường bộ, đường thuỷ, đại lý tàu biển;
- Dịch vụ khai thuê hải quan, môi giới hàng hải, cung ứng tàu biển, vệ sinh tàu biển;
- Đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng cảng biển;
- Xuất nhập khẩu hàng hoá./

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Niên độ kế toán:

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán :

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là VNĐ. Hạch toán theo nguyên tắc giá gốc.

III CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG :

1. Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ- BTC ngày 20/03/2006,

thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính, và các văn bản hướng dẫn kèm theo.

2. Hình thức sổ kế toán áp dụng: Nhật ký chung

IV. TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỤC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VIỆT NAM

Các báo cáo tài chính của Công ty được lập theo Hệ thống kế toán Việt Nam và hệ thống Chuẩn mục Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn chuẩn mục Kế toán Việt Nam (đợt 1);

Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu chuẩn mục Kế toán Việt Nam (đợt 2);

Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu chuẩn mục Kế toán Việt nam (đợt 3);

Quyết định số 12/2005/QĐ - BTC ngày 15 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành sáu chuẩn mục kế toán Việt Nam (đợt 4)

Quyết định số 100/2005/QĐ - BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn chuẩn mục kế toán Việt Nam (đợt 5)

Vì vậy, bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về hệ thống Chuẩn mục Kế toán Việt Nam và chế độ Kế toán Việt Nam.

(Các ghi chú này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

V. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI DOANH NGHIỆP

1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền :

Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền :

Là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán:

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng tiền Việt nam theo tỷ giá bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng vào ngày phát sinh nghiệp vụ.

Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ của các khoản mục tiền tệ được kết chuyển vào kết quả kinh doanh trong kỳ. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm các khoản mục tiền tệ được hạch toán vào tài khoản Chênh lệch tỷ giá để số dư trên Báo cáo tài chính, đầu năm sau ghi bút toán ngược để xóa số dư.

2. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho:

a. Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho:

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ (-) chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

b. Phương pháp hạch toán hàng tồn Kê khai thường xuyên

c. Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ:

Nguyên liệu, vật liệu, hàng hoá, thành phẩm : Phương pháp tính giá bình quân gia quyền

Sản phẩm dở dang:

d. Phương pháp tính giá vốn hàng bán:

Giá trị nguyên vật liệu, chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung được tập hợp phân bổ theo từng mặt hàng, từng sản phẩm theo giá trị dự toán.

e. Tình hình trích lập và hoàn nhập dự phòng hàng tồn kho:

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

Nguyên tắc ghi nhận :

Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận theo giá gốc trừ các khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi ước tính vào thời điểm cuối năm tài chính. Khi có đơn thư, chứng từ chấp nhận mua hoặc hợp đồng kinh tế đã

4. Nguyên tắc xác định khoản phải thu, phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng:

5. Phương pháp ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ) :

a. TSCĐ hữu hình:

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình :

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản cố định vào hoạt động. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được tính vào giá trị tài sản, chi phí bảo trì sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi (lỗ) nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

(Các ghi chú này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được thể hiện theo nguyên giá. Nguyên giá này bao gồm chi phí xây dựng, giá trị máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang không được tính khấu hao cho đến khi các tài sản có liên quan được hoàn thành và đưa vào sử dụng.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình :

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao áp dụng theo thời gian quy định tại Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính:

Loại tài sản	Thời gian (năm)
Phương tiện vận tải	08
Thiết bị dụng cụ quản lý	03-06

b. TSCĐ vô hình:

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá TSCĐ vô hình mua riêng biệt bao gồm các khoản giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa TSCĐ vào sử dụng.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình : áp dụng nhất quán với chính sách khấu hao đang sử dụng

Thời gian khấu hao:

Loại tài sản	Thời gian (năm)
Phần mềm kế toán	05

6. Hợp đồng thuê tài chính (đối với bên đi thuê):

Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá TSCĐ thuê tài chính :

Nguyên tắc và phương pháp khấu hao TSCĐ thuê tài chính:

7. Ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư:

8. Nguyên tắc vốn hoá các khoản chi phí đi vay (CPĐV) và chi phí khác:

Chi phí trả trước: Theo nguyên tắc phù hợp;

Chi phí khác: Thực hiện theo thực tế;

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Theo đường thẳng;

Phương pháp phân bổ lợi thế thương mại:

9. Nguyên tắc kế toán chi phí nghiên cứu phát triển và triển khai: Ghi theo tình hình thực tế;

10. Kế toán các khoản đầu tư tài chính:

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết:

(a) Khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận theo giá gốc.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

Các khoản khác từ công ty liên kết mà nhà đầu tư nhận được ngoài cổ tức và lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi của các khoản đầu tư và được ghi giảm giá gốc khoản đầu tư.

(b) Khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận theo giá gốc.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn: Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận theo giá gốc trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn ước tính vào thời điểm cuối năm tài chính.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác: Được ghi nhận theo giá gốc.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn:

Cuối kỳ kế toán năm, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của chứng khoán đầu tư nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Số dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của chứng khoán đầu tư lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

(Các ghi chú này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

11. Kế toán các hoạt động liên doanh:

Vốn góp liên doanh được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng của công ty theo phương pháp giá gốc; Tại thời điểm hiện tại đơn vị đã thực hiện việc góp vốn liên doanh;

Tham khảo thêm

Nguyên tắc kế toán hoạt động liên doanh dưới hình thức: Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và tài sản đồng kiểm soát, cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát

Giá trị vốn góp vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát phản ánh trên tài khoản " Vốn góp liên doanh" là giá trị

vốn góp được các bên tham gia liên doanh thống nhất đánh giá và được chấp thuận trong biên bản góp vốn.

Trường hợp góp vốn liên doanh bằng vật tư, hàng hoá

Trường hợp góp vốn liên doanh bằng tài sản cố định:

Nếu đánh giá lại của tài sản cố định cao hơn giá trị ghi trên sổ kế toán ở thời điểm góp vốn, thì khoản chênh lệch này được ghi nhận vào thu nhập khác. phần thu nhập khác do chênh lệch đánh giá lại TSCĐ tương ứng với phần vốn góp của bên góp vốn liên doanh phải được hoãn lại và ghi nhận là doanh thu chưa thực hiện. Hàng năm, khoản doanh thu chưa thực hiện này (lãi do đánh giá lại TSCĐ đưa đi góp vốn liên doanh) được phân bổ dần vào thu nhập khác theo thời gian sử dụng hữu ích dự kiến của tài sản cố định đem đi góp vốn liên doanh.

Nếu giá đánh giá lại của TSCĐ thấp hơn giá trị ghi trên sổ kế toán ở thời điểm góp vốn, thì khoản chênh lệch này được ghi nhận ngay vào chi phí khác trong kỳ.

Kế toán phải mở sổ kế toán chi tiết theo dõi các khoản vốn góp liên doanh vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo từng đối tác, từng lần góp và từng khoản vốn đã thu hồi, chuyển nhượng.

12. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác:

Nợ phải trả được ghi nhận khi có đủ điều kiện chắc chắn là doanh nghiệp sẽ phải dùng một lượng tiền chi ra để trang trải cho những nghĩa vụ hiện tại và khoản nợ phải trả đó phải xác định một cách đáng tin cậy.

13. Ghi nhận chi phí phải trả, trích trước chi phí sửa chữa lớn, chi phí bảo hành sản phẩm, trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm: (ghi theo thực tế)

14. Ghi nhận các khoản thanh toán trước và dự phòng:

15. Ghi nhận trái phiếu có thể chuyển đổi:

16. Các nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái: (Ghi theo thực tế)

17. Nguồn vốn chủ sở hữu:

Ghi nhận và trình bày cổ phiếu mua lại:

Ghi nhận cổ tức:

Nguyên tắc trích lập các khoản dự trừ các quỹ từ lợi nhuận sau thuế: Chưa Thực hiện ;

18. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu:

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu bán hàng :

Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá cho người mua;

Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như người sở hữu hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá;

Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;

Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu bán cung cấp dịch vụ:

Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Xác định được phần công việc đã hoàn thành

(Các ghi chú này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Xác định được chi phí phát sinh và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính:

19. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu, chi phí hợp đồng xây dựng:

20. Các bên liên quan:

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

21. Tái phân loại :

Một số tài khoản và chỉ tiêu trong báo cáo tài chính của năm 2009 đã được tái phân loại cho phù hợp với sự trình bày trong năm 2010 theo Thông tư số 244/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 31/12/2009.

22. Các nghĩa vụ về thuế:

Thuế suất thuế GTGT hàng bán ra chịu mức thuế suất 0%, 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2010 bằng 25% lợi nhuận thu được.

Các loại thuế khác theo quy định hiện hành của Pháp luật Việt Nam tại thời điểm nộp thuế hàng năm.

VI THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH:

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2010	01/01/2010
Tiền mặt tại quỹ	583.005.349	31.695.737
Tiền gửi ngân hàng	35.436.934.325	1.290.776.465
- Tiền Việt Nam	17.174.610.660	1.289.031.687
Ngân hàng Hàng hải Quảng Ninh	1.358.614.627	860.857.025
Ngân hàng Ngoại Thương VN-CN Hạ Long	15.354.302.948	416.070.416
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Quảng Ninh	3.518.257	3.468.120
Ngân hàng An Bình - CN Quảng Ninh	25.090.497	8.636.126
Ngân hàng Đầu tư - CN Móng Cái	433.084.331	-
- Ngoại tệ	18.262.323.665	1.744.778
Ngân hàng Hàng hải Quảng Ninh- USD	1.900.016	1.744.778
Ngân hàng CPTM Ngoại thương Hạ Long - USD	1.900.016	-
Tiền đang chuyển	18.260.423.649	-
Các khoản tương đương tiền	59.700.000.000	115.500.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng	59.750.000.000	115.500.000.000
Ngân hàng Hàng hải Quảng Ninh		48.000.000.000
Ngân hàng Ngoại Thương VN-CN Hạ Long	59.750.000.000	53.500.000.000
Ngân hàng An Bình - CN Quảng Ninh		14.000.000.000
Tổng cộng	113.980.363.323	116.822.472.202

2. Các khoản phải thu ngắn hạn

	31/12/2010	01/01/2010
Phải thu của khách hàng	1.802.933.487	3.461.292.850
Công ty CP Xi măng Thăng Long	561.705.705	2.998.805.250
Công ty CP xuất nhập khẩu tổng hợp Hạ Nội	74.529.675	19.278.000

(Các ghi chú này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Công ty CP Đầu tư Thăng Long Việt Nam	524.410.200	381.392.100
Công ty Hải Long - Bộ Quốc Phòng	-	13.000.000
Công ty TNHH DV vận tải Việt Nhật Số 2	23.980.000	48.817.500
Công ty TNHH MTV Cảng Quảng Ninh	144.490.426	
Công ty TM KT Đối ngoại huyện Bảo Đức - CN Biên giới TM Tịnh Tây	165.098.399	
Công ty CP thiết bị công nghệ và XD	46.350.000	
Công ty CP chuyển giao công nghệ cao	100.250.000	
Công ty CP DTM tổng hợp Phú Ninh	162.119.082	
Trả trước cho người bán	397.630.000	17.536.162
Trung tâm thông tin tài nguyên & môi trường	-	5.000.000
Công ty TNHH kiểm toán tư vấn Thủ Đô (CACC)	20.000.000	12.000.000
Viễn thông Quảng Ninh	-	536.162
Công ty CP xi măng Thăng Long	327.630.000	
Công ty CP chứng khoán Sài gòn tại HN	50.000.000	
Các khoản phải thu khác	1.150.640.276	2.270.969.569
Lãi tiền gửi có kỳ hạn phải thu	1.150.640.276	973.486.112
Phải thu công ty Việt Nhật số 2	-	5.631.457
Phải trả công ty CP Đông Dương	-	1.291.852.000
Tổng cộng	3.351.203.763	5.749.798.581
Dự phòng phải thu khó đòi	-	-
Giá trị thuần của các khoản phải thu thương mại và phải thu khác	3.351.203.763	5.749.798.581

3. Hàng tồn kho

4. TS ngắn hạn khác

	31/12/2010	01/01/2010
Thuế GTGT còn được khấu trừ	596.742.853	5.747.442
Chi phí trả trước ngắn hạn	-	30.000.000
Tạm ứng	34.000.000	20.000.000
Tổng cộng	630.742.853	55.747.442

5. Các khoản phải thu dài hạn

6. Tình hình tăng giảm TSCĐ hữu hình

CHỈ TIÊU	NHÀ CỬA, VẬT KIẾN TRÚC	PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI	TSCĐ KHÁC	THIẾT BỊ QUẢN LÝ	TỔNG CỘNG
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu năm	-	521.350.745	-	129.774.286	651.125.031
Tăng trong năm	-	-	-	37.636.363	37.636.363
Mua sắm mới	-	-	-	37.636.363	37.636.363
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	-	521.350.745	-	167.410.649	688.761.394

HAO MÒN LUYỆN KẾ

(Các ghi chú này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Số dư đầu năm	129.655.239	41.076.553	170.731.792
Tăng trong năm	65.168.843	45.365.775	110.534.618
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư cuối năm	194.824.082	86.442.328	281.266.410

GIÁ TRỊ CÒN LẠI

Số đầu năm	391.695.506	88.697.733	480.393.239
Số cuối năm	326.526.663	80.968.321	407.494.984

7. Tình hình tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính (TSCĐ thuê TC)

8. Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Bản quyền bằng sáng chế	Tổng cộng
----------	-------------------	-------------------------	-----------

NGUYÊN GIÁ

Số đầu năm	38.400.000	38.400.000
Tăng trong kỳ	-	-
Giảm trong kỳ	-	-
Số dư cuối năm	38.400.000	38.400.000

HAO MÒN LUY KẾ

Số đầu năm	11.230.968	11.230.968
Tăng trong kỳ	7.680.000	7.680.000
Giảm trong kỳ	-	-
Số dư cuối năm	18.910.968	18.910.968

GIÁ TRỊ CÒN LẠI

Số đầu năm	27.169.032	27.169.032
Số cuối kỳ	19.489.032	19.489.032

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2010	01/01/2010
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	101.340.910	-
Mua sắm máy móc thiết bị	-	-
Tổng cộng	101.340.910	-
<i>Trong đó: Những công trình lớn:</i>		
<i>Dự án 2,3 hậu phương bến 2, 3, 4 cảng Cái Lân</i>	101.340.910	-

10. Tăng giảm bất động sản đầu tư

11. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, dài hạn

a. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

b. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2010	01/01/2010
Đầu tư vào công ty con	296.254.434.000	157.500.000.000

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm

(Các ghi chú này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

<i>Công ty TNHH Cảng Công-ten-nơ QT Cái Lân</i>	284.754.434.000	146.000.000.000
<i>Công ty CP dịch vụ kho vận Cái Lân</i>	11.500.000.000	11.500.000.000
Đầu tư dài hạn khác	13.288.420.000	
<i>Cho Tổng công ty hàng hải vay</i>	13.288.420.000	-
Tổng cộng	309.542.854.000	157.500.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	-	-
Giá trị thuần của đầu tư TC dài hạn	309.542.854.000	157.500.000.000

* *Danh sách các công ty con, công ty liên kết, liên doanh quan trọng.*

- *Công ty con: CICT - Công ty TNHH Cảng Công-ten-nơ Quốc tế Cái Lân*

- *Công ty con: Công ty CP dịch vụ kho vận Cái Lân*

12. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>31/12/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
Chi phí công cụ dụng cụ	54.998.283	43.559.298
Chi phí thành lập CICT	832.834.450	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	23.335.837	45.651.833
Tổng cộng	911.168.570	89.211.131

13. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả

a. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

b. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	<u>31/12/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
Thuế TN hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	7.431.458.469	8.495.141.922
Khoản hoãn nhập thuế TN hoãn lại phải trả đã được ghi nhận từ các năm trước	153.489.676	1.063.683.453
Thuế TN hoãn lại phải trả	7.277.968.793	7.431.458.469
Tổng cộng	7.277.968.793	7.431.458.469

14. Các khoản vay và nợ ngắn hạn

15. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước

	<u>31/12/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
Phải trả người bán	1.962.992.285	2.134.491.215
<i>Công ty TNHH tư vấn công trình giao thông</i>	26.735.500	26.735.500
<i>Tổng công ty hàng hải Việt Nam</i>	916.117.896	
<i>Ban đền bù giải phóng mặt bằng</i>		65.818.000
<i>Công ty truyền thông CTUS</i>		600
<i>Công ty TNHH Nhất Thắng</i>	38.972.175	380.724.750
<i>Cảng vụ Hàng hải Quảng Ninh</i>	98.718.917	69.792.115
<i>Công ty CP TM Vận tải Thành Vũ</i>	48.896.000	340.042.500
<i>Công ty CP Thương mại Lương Sơn</i>		383.355.000
<i>Xí nghiệp chế biến lâm sản Nam Thắng.</i>	35.827.000	154.612.500
<i>Công ty CP TM Vận tải Thịnh Phát</i>		22.950.000
<i>Doanh nghiệp tư nhân Hùng Luyến</i>	287.672.000	305.707.500
<i>Công ty TNHH Thương mại Quyết Thắng</i>		363.820.750

(Các ghi chú này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Công ty CP vận tải TM Dũng Thịnh		12.432.000
C.ty TNHH Phần mềm và QCáo TM Việt Nam		8.500.000
Công ty CP dịch vụ kho vận Cái Lân	106.512.500	
Công ty CP VPG	191.646.497	
Công ty TNHH TM XD Thành An	94.500.000	
Văn phòng luật sư Trịnh	95.000.000	
Công ty CP phát hành sách Quảng Ninh	22.393.800	
Người mua trả tiền trước	316.614.982	-
Hoang Brothers industrial company	316.614.982	
Tổng cộng	2.279.607.267	2.134.491.215
16. Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước		
	31/12/2010	01/01/2010
a. Thuế phải nộp Nhà nước	1.529.187.768	1.946.274.639
Thuế GTGT hàng hoá, dịch vụ	79.361.482	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.440.633.366	1.924.756.428
Thuế Thu nhập cá nhân	9.192.920	21.518.211
b. Các khoản phải nộp khác	21.096.900	-
Các khoản phí, lệ phí	1.277.100	-
Các khoản phải nộp khác	19.819.800	-
Tổng cộng	1.550.284.668	1.946.274.639
17. Chi phí phải trả		
	31/12/2010	01/01/2010
Chi phí phải trả	45.751.263.287	46.179.549.971
<i>Trong đó:</i>		
- Thuế nhà đất phải nộp cho quyền sử dụng đất góp vốn vào CICT	20.306.443.247	20.734.729.931
- CP đền bù GPMB phải trả cục Hàng hải	24.945.902.000	24.945.902.000
- CP đền bù GPMB phải trả BQL	498.918.040	498.918.040
Tổng cộng	45.751.263.287	46.179.549.971
18. Các khoản phải trả, phải nộp khác		
	31/12/2010	01/01/2010
Bảo hiểm Xã hội	729.916	397.818
Bảo hiểm thất nghiệp	55.088	34.632
Kinh phí công đoàn	-	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	-	1.291.852.000
- Công ty TNHH Dầu thực vật Cái Lân	-	1.291.852.000
Tổng cộng	785.004	1.292.284.450
19. Phải trả dài hạn nội bộ		
20. Các khoản vay và nợ dài hạn		
21. Các khoản nợ thuế tài chính		

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẢNG CÁI LÂN

Địa chỉ: Số 1 - Đường Cái Lân - Bãi Cháy - Hạ Long - Quảng Ninh

Ghi chú Báo cáo Tài chính
kết thúc 31/12/2010

(Các ghi chú này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

22. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

A	Vốn đầu tư của CSH	Vốn khác của CSH	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc VCSH	Lãi chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	137.045.625.000	-	-	-	-	-	31.080.746.096	168.126.371.096
Tăng vốn trong năm trước	29.918.665.000	11.500.000.000	-	12.256.930.096	1.557.937.000	500.000.000	-	55.733.532.096
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	-	8.173.038.114	8.173.038.114
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	910.193.777	910.193.777
Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-
Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	11.500.000.000	-	-	-	42.650.746.096
Số dư cuối năm trước số dư đầu năm nay	166.964.290.000	11.500.000.000	-	756.930.096	1.557.937.000	500.000.000	9.013.231.891	190.292.388.987
Tăng vốn trong năm nay	133.035.710.000	-	-	-	-	-	-	133.035.710.000
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	-	6.559.603.739	6.559.603.739
Tăng khác	-	-	-	-	103.549.000	200.000.000	-	303.549.000
Giảm vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-	-
Lỗ trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	411.649.239	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm nay	300.000.000.000	11.500.000.000	(411.649.239)	756.930.096	1.661.486.000	700.000.000	15.094.286.630	329.301.053.487

(Các ghi chú này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

22. Vốn chủ sở hữu (tiếp)

b. Chi tiết Vốn đầu tư của CSH

	31/12/2010	01/01/2010
Tổng công ty Hàng hải Việt Nam	153.000.000.000	76.500.000.000
Tổng công ty Hàng hải Việt Nam (nhận ủy quyền)	39.280.420.000	-
Công ty CP xuất nhập khẩu Hà Nội	18.000.000.000	9.000.000.000
Cảng Quảng Ninh	45.000.000.000	36.744.710.000
Cổ đông cá nhân	44.719.580.000	44.719.580.000
Tổng cộng	300.000.000.000	166.964.290.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Năm nay VNĐ	Năm trước VNĐ
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	166.964.290.000	137.045.625.000
Vốn góp tăng trong năm	133.035.710.000	29.918.665.000
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	300.000.000.000	166.964.290.000

23. Lãi chưa phân phối

	Năm nay	Năm trước
- Lãi lũy kế đến 01/01	9.013.231.891	31.080.746.096
- Lợi nhuận phát sinh trong kỳ	6.559.603.739	8.173.038.114
- Phân phối lợi nhuận	478.549.000	31.150.746.096
Quỹ đầu tư PT	-	12.256.930.096
Quỹ dự phòng tài chính	103.549.000	1.557.937.000
Quỹ khen thưởng phúc lợi	175.000.000	152.000.000
Trả cổ tức	-	16.683.879.000
Quỹ khác thuộc VCSH	200.000.000	500.000.000
- Tăng khác (hoàn nhập thuế TNDN hoãn lại do thay đổi thuế suất thuế TNDN)	-	910.193.777
- Lãi lũy kế đến 31/12	15.094.286.630	9.013.231.891

24. Nguồn kinh phí

25. Tài sản thuê ngoài

26. Nghiệp vụ với các bên liên quan

Những giao dịch chủ yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị
1./ Tổng công ty hàng hải Việt Nam	Cổ đông sáng lập - Công ty mẹ	Vay vốn theo HĐTD số 01-11/HĐTD2010/CPI-VNL	13.288.420.000
		Góp vốn bằng TGNH	76.500.000.000

(Các ghi chú này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

		Nhận ủy quyền góp vốn	39.280.420.000
2./ Công ty TNHH MTV Cảng Quảng Ninh	Cổ đông sáng lập	Góp vốn bằng TGNH	8.255.290.000
3./ Công ty CP XNK tổng hợp	Cổ đông sáng lập	Góp vốn bằng TGNH	9.000.000.000

Tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán, số dư với các bên liên quan được thể hiện như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số dư đến 31/12/2010
1./ Công ty CP dịch vụ kho vận Cái Lân	Công ty con	Góp vốn bằng tiền gửi ngân hàng	11.500.000.000
		Phải trả tiền cung cấp dịch vụ	106.512.500
2./ CICT	Công ty con	Góp vốn bằng giá trị QSD đất	146.000.000.000
		Góp vốn bằng tiền gửi ngân hàng (7.115.612 USD)	138.754.434.000
3./ Tổng công ty hàng hải Việt Nam	Cổ đông sáng lập - Công ty mẹ	Phải trả tiền chi hộ chi phí thành lập CICT	916.117.896
		Phải thu tiền cho vay theo HĐTD số 01-11/HĐTD2010/CPI-VNL	13.288.420.000
4./ Công ty TNHH MTV Cảng Quảng Ninh	Cổ đông sáng lập	Phải thu khách hàng từ thanh lý tài sản	520.000.000
		Phải trả tiền cung cấp dịch vụ	375.509.574
5./ Công ty CP XNK tổng hợp	Cổ đông sáng lập	Phải thu khách hàng từ cung cấp dịch vụ vận tải	74.529.675

27. Doanh thu**a. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	77.262.334.004	16.215.743.796
Doanh thu bán hàng hoá	68.570.006.274	900.845.454
Doanh thu cung cấp dịch vụ	8.692.327.730	15.314.898.342
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	77.262.334.004	16.215.743.796

b. Doanh thu hoạt động tài chính khác

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	11.602.544.826	10.219.347.909
Tổng cộng	11.602.544.826	10.219.347.909

28. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hàng hoá	65.680.550.405	867.436.351
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	8.187.015.914	13.701.295.691
Tổng cộng	73.867.566.319	14.568.732.042

(Các ghi chú này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

29. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí hoạt động tài chính	284.282.298	-
Chi phí lãi vay	256.529.013	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	27.753.285	-
Tổng cộng	284.282.298	-

30. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	65.805.743.247
Chi phí nhân công	2.059.862.988
Chi phí khấu hao tài sản cố định	119.014.131
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.027.135.694
Chi phí bằng tiền khác	915.007.779
Tổng cộng	79.926.763.839

31. Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

a. Chi phí thuế TNDN hiện hành

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	2.769.103.856	1.924.756.428
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TN hiện hành năm nay	-	-
Tổng cộng	2.769.103.856	1.924.756.428

b. Chi phí thuế TNDN hoãn lại

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế		
Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại		
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ		
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng		
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(153.489.676)	(153.489.676)
Tổng chi phí thuế TNDN hoãn lại	(153.489.676)	(153.489.676)
Tổng cộng	(153.489.676)	(153.489.676)

32. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ

a. Các giao dịch không bằng tiền

b. Mua và thanh lý công ty con hoặc đơn vị kinh doanh khác trong kỳ báo cáo.

c. Các khoản tiền và tương đương tiền doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng:

Trong năm 2010, Công ty ký hợp đồng bảo lãnh thanh toán nghĩa vụ thuế Nhà đất trong thời gian 10 năm (từ năm 2010 đến hết năm 2021) số 052300601080045 ngày 28/10/2010 với giá trị bảo lãnh tối đa 6,55 tỷ đồng và thế chấp bằng 2 tài khoản tiền gửi có kỳ hạn số 33/2010/HĐKH ngày 28/10/2010 và hợp đồng số 34/2010/HĐKH ngày 01/11/2010 với số tiền bảo lãnh 6,55 tỷ đồng.

(Các ghi chú này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

VI. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Những khoản nợ ngẫu nhiên, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác.
2. Một số chỉ số đánh giá tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.
3. Những thông tin khác.

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở giả định là doanh nghiệp đang hoạt động liên tục và sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai gần, Công ty CP đầu tư cảng Cái Lân không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động hoặc phải thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

Ngày 30 tháng 03 năm 2011



Nguyễn Tư Thịnh
Kế toán trưởng



Nguyễn Hồng Dương
Tổng Giám đốc